

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

PHẦN 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

I. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN.

a. Thuận lợi:

- Địa bàn bao phủ của Công ty Viwasupco thuộc khu vực Tây Nam Hà Nội (đọc đường Láng Hòa Lạc), hiện nay là khu vực có tốc độ đô thị hóa cao và nhu cầu tiêu thụ nước lớn.
- Giá nước của Công ty Viwasupco hiện đang có ưu thế cạnh tranh với các Công ty cấp nước khác.

b. Khó khăn:

- Tuyến ống truyền tải nước: Tuyến ống truyền tải GĐ1 đã quá cũ, gây sự cố liên tục trong năm (Năm 2019 xảy ra 8 lần) gây mất ổn định nguồn cấp nước và gia tăng tỷ lệ thất thoát nước, tốn kém cho phí khắc phục xử lý. Tuyến ống truyền tải giai đoạn 2 mới chưa được triển khai thi công. Việc chậm triển khai thi công tuyến ống giai đoạn 2 dẫn đến tình trạng thiếu nguồn cấp cho các khu vực trong nội/ngoại thành. Dẫn đến tình trạng mất địa bàn cấp nước theo quy hoạch đã được phê duyệt, không phát triển được hệ thống tuyến ống truyền dẫn cấp 2 tới các khu vực trọng yếu.
- Sự cố nhiễm dầu thải tại nguồn nước: Đã tác động rất lớn đến uy tín của Công ty Viwasupco với khách hàng, cơ quan quản lý nhà nước nói chung, tác động trực tiếp đến sự ổn định sản xuất của Công ty Viwasupco và tốn kém nhiều chi phí phát sinh để xử lý sự cố này.
- Về nguồn nước trên Sông Đà: Trong năm qua từ tháng 7 đến nay mực nước trên Sông Đà liên tục ở mức thấp, có một số thời điểm ở mức thấp hơn so với các năm trước năm. Việc đảm bảo nguồn nước thô cho nhà máy gặp rất nhiều khó khăn, Trạm bơm nước sông thường xuyên vận hành ở mức nước kênh thấp, lượng nước cấp cho nhà máy hoạt động không đủ, độ đục của nguồn nước tăng dẫn đến hao tổn điện năng tăng cao hơn do phải liên tục đóng mở bơm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2019:

Với những thuận lợi, khó khăn đã chỉ ra, năm qua Công ty Viwasupco đặt mục tiêu sản xuất nước an toàn, hiệu quả và bám sát kế hoạch năm 2019 đã được duyệt.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ % TH/KHN
a	b	c	1	2	3=2/1
1	Tổng sản lượng nước	m ³	92.075.000	104.509.570	114%
2	Doanh thu kinh doanh nước sạch	10 ⁹	476,20	540,07	113%
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	75,50	137,82	183%

(*) Số liệu 2019 được lấy theo báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

Đánh giá chung kết quả đạt được:

Nhìn chung, các chỉ tiêu chính của năm đều tích cực, vượt so với kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- Sản lượng nước tăng, vượt 114% so với kế hoạch năm;
- Doanh thu kinh doanh tăng, vượt 113% so với kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế tăng 183%;

2. Công tác điều hành trong năm qua.

2.1. Công tác Tổ chức – Hành chính.

Để tinh giảm bộ máy quản lý và sản xuất trực tiếp gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Trong năm qua đã thực hiện việc sắp xếp/tinh giảm lại biên chế nhà máy. Số lượng CBCNV nhà máy từ 133 người xuống 105 người. Trong đó khối trực tiếp là 75 người.

Chế độ cho người lao động đã được Công ty duy trì, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ. Đời sống của CBCNV luôn đảm bảo, ổn định

2.2. Công tác Sản xuất.

Trong năm qua công tác sản xuất nước tại trạm đều vượt 100% so với kế hoạch năm, cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Đ.vị	Năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
a	b	c	1	2	3=2/1
1	Tại trạm bơm nước sông: Sản lượng nước thô bơm từ sông lên Hồ Đàm Bài	m ³	102.937.617	104.959.580	102%
		m ³ /ng.đ	282.021	287.560	
2	Tại trạm bơm nước hồ: Sản lượng nước thô từ Hồ Đàm Bài lên khu xử lý	m ³	106.289.875	106.998.680	101%
		m ³ /ng.đ	291.205	293.147	
3	Tại khu xử lý: Sản lượng nước sạch sau xử lý	m ³	104.866.702	105.782.508	101%
		m ³ /ng.đ	287.306	289.815	
4	Sản lượng nước sạch bán qua đồng hồ	m ³	103.667.618	104.509.570	101%
		m ³ /ng.đ	284.021	286.328	

Đánh giá chung những công việc đã thực hiện và khó khăn trong năm qua:

Sự cố nhiễm dầu thải tại nguồn nước:

Ngày 09/10/2019, đã xảy ra vụ án đổ trộm dầu thải xuống đầu nguồn khu vực nhà máy. Ngay sau khi sự cố xảy ra Công ty đã tiến hành xử lý khẩn cấp sự cố xảy ra với nguồn nhân lực/ Thiết bị tại chỗ, làm giảm tối đa tình trạng thiệt hại cho đơn vị. Công ty cũng đã phối hợp với Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam (SOS) khẩn trương triển khai các giải pháp xử lý tổng thể và toàn diện trên diện rộng nhằm khắc phục tối đa nguy cơ ô nhiễm ra môi trường bên ngoài. Đến nay công tác khắc phục sự cố đã cơ bản hoàn thành theo phương án khắc phục sự cố do trung tâm SOS đưa ra và đã được đoàn kiểm tra liên ngành do Cục quản lý môi trường Miền Bắc – Bộ Tài nguyên môi trường xuống kiểm tra/đánh giá. Các chỉ số xét nghiệm nước đảm bảo an toàn đúng theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình đã ra văn bản tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Việc xảy ra sự cố đổ dầu thải gây thiệt hại cho Công ty, Tổng cộng chi phí: **88.776.000.000** đồng. Cụ thể:

- Chi phí cho khách hàng: 79.931.000.000 đồng;
- Chi phí cho công tác xử lý khắc phục sự cố: 5.286.000.000 đồng;
- Chi phí cho công tác xét nghiệm nước trong giai đoạn xử lý sự cố và phục vụ điều tra: 3.559.000.000 đồng.

Hiện tại, công tác khắc phục sự cố còn tồn tại công việc xử lý toàn bộ chất thải thu gom trong quá trình xử lý sự cố. Sắp tới công ty sẽ tiến hành ký kết hợp đồng với một đơn vị có chức năng để xử lý chất thải theo đúng các quy định của pháp luật.

Các giải pháp đã/ đang triển khai thực hiện để đảm bảo công tác cấp nước an toàn trong sản xuất:

Nạo vét bùn kênh dẫn: Đã tiến hành nạo vét được 3,3km kênh dẫn nước từ sông vào trạm bơm sông, nạo vét toàn bộ kênh dẫn nước từ hồ vào nhà máy. Tổng khối lượng nạo vét: **23.640** m³

Cải tạo nâng cấp Phòng Hóa nghiệm: Công ty đã triển khai, phối hợp với các đơn vị chức năng để đầu tư, nâng cấp và chuẩn hóa phòng thí nghiệm nước sạch nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 theo đúng yêu cầu của Bộ Y tế. Phòng thí nghiệm sẽ xét nghiệm các chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Bộ Y tế.

Đầu tư mới các hệ thống sau: (i) Lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh nguồn nước thôn đầu vào; (ii) Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải sản xuất tại khu vực Bể bùn; (iii) Lắp đặt hệ thống quan trắc chất lượng nước tự động – Online (Gồm nước mặt, nước nguồn..v.v...); (iv) Xây dựng hệ thống hàng rào cứng rọc kênh dẫn để chủ động đảm bảo an ninh nguồn nước, dự kiến 3,3km.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và sản xuất, trong năm nay Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống điều khiển tự động hóa toàn bộ nhà máy trên cơ sở nâng cấp hệ thống Scanda của nhà máy. Đầu tư làm mới dây chuyền ép bùn, việc đầu tư dây chuyền ép bùn giúp cho Công ty giảm được chi phí xử lý bùn, chấm dứt tình trạng xả nước thải sau khi lọc ra môi trường bên ngoài.

Trong năm, hóa chất sử dụng cho công tác sản xuất nước chủ yếu là Phèn đơn, PAC khô, đòi hỏi phải dùng nhiều công tác thủ công để pha chế và dẫn đến việc tự động hóa không thực hiện được. Nhà máy đã tiến hành dùng PAC lỏng 10% thay thế Phèn đơn, PAC khô và bước đầu đã có những hiệu quả cao trong vận hành.

031
ĐNK
Ổ P
LƯU NI
ÔN
BÌNH

2.3. Thị trường.

Thị trường cấp nước Hà Nội đang có sự cạnh tranh khốc liệt khi có nhiều Công ty lớn tham gia trong lĩnh vực này điển hình là Công ty CP Nước Aqua One đã đầu tư xong giai đoạn 2 Nhà máy nước Sông Đuống, đang triển khai Nhà máy nước Xuân Mai, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang triển khai đầu tư Nhà máy nước Sông Hồng, Liên danh công ty CP Ao Vua và Công ty CP ĐTXD Cấp thoát nước môi trường Ba Vì đang triển khai đầu tư Nhà máy nước Ba Vì. Ngoài ra các Công ty cấp nước lớn của Hà Nội cũng tự đầu tư, đầu tư nâng cấp và liên doanh để tự chủ động cấp nước cho khu vực của họ.

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang nắm thị phần khoảng 25% tổng sản lượng toàn hệ thống; Độ phủ thị trường của Công ty Viwasupco thông qua các đối tác phân phối phục vụ khoảng hơn 1,1 triệu người dân, chiếm khoảng 29% dân số đô thị. Tuy nhiên, với tình hình đầu tư phát triển các nguồn cấp mới cũng như phát triển mạng lưới truyền tải, phân phối và dịch vụ như hiện nay thì thị phần và độ phủ thị trường của Công ty có thể có những biến động trong tương lai.

Trong năm qua lượng nước tiêu thụ của các khách hàng chính đều tăng hơn so với năm 2018, tổng mức tiêu thụ **104.509.570** m³, trung bình **286.328** m³/ngày.đ và được tập trung ở **05** khách hàng lớn: (1) Viwaco; (2) Nước sạch Hà Đông; (3) Wadaco; (4) Đồng Tiến Thành; (5) Dịch vụ địa chất.

Với lượng khách hàng hiện tại, mức tiêu thụ có thể tăng lên hơn 108 triệu m³ nước, sản lượng trung bình khoảng 296.482m³/ngày đêm. Nhưng hạn chế của tuyến ống truyền tải không đảm bảo an toàn trong vận hành vượt công suất thường xuyên, liên tục dẫn đến thị trường khó mở rộng trong ngắn hạn.

Trong năm 2019 Công ty đã phối hợp và hợp tác chặt chẽ với các đối tác phân phối, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận khách hàng của công ty. Công ty cũng triển khai hợp tác với các đối tác tiềm năng nhằm duy trì đầu nổi cũng như phát triển năng lực mạng lưới cấp nước, tiến sâu vào các thị trường tiềm năng.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Trên cơ sở kết quả kinh doanh của năm 2019 đã đạt được, Năm 2020 cùng với những thuận lợi và khó khăn chung của nền kinh tế được tính toán khi lập kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuyến ống truyền tải nước sạch GĐ II chưa được xây dựng kịp thời dẫn đến nguồn cấp không được nâng cao thêm so với nhu cầu thực tế của thị trường. Tình trạng nước sông xuống thấp khi gây ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất. Để khắc phục một phần các khó khăn và thách thức ở trên, ban lãnh đạo Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thất thoát, tăng lợi nhuận và doanh thu cho Công ty. Các chỉ tiêu chính của KHSXKD và đầu tư năm 2020 đệ trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt như sau:

1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch Năm 2020	Tỷ lệ % KH20/TH19
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Sản lượng nước	m ³	104.509.570	99.363.020	95%
2	Doanh thu kinh doanh nước sạch	10 ⁹	540,070	514,648	95%
3	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹	137,820	136,281	99%

104
TY
AN
CSA
ĐA
T. HC

Trong những ngày đầu năm 2020. Nghị định 100 quy định về xử phạt người tham gia giao thông vi phạm nồng độ cồn cùng với đại Dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu dùng nước hàng ngày dẫn đến sản lượng nước 3 tháng đầu năm không cao, trung bình chỉ đạt **264.501 m³/ngày.đ**. Ban điều hành Công ty đã tính toán ảnh hưởng này đến kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

2. Các chỉ tiêu chính về đầu tư.

Trên cơ sở tình hình triển khai Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông”, giai đoạn 2, nâng công suất lên 600.000m³/ng.đ; Kế hoạch cải tạo hệ thống giai đoạn 1 để phát huy tối đa công suất của Nhà máy, bao gồm: Hệ thống SCADA; Nâng công suất Trạm bơm hồ và Trạm bơm sông; Đầu tư dây chuyền ép bùn; Xây dựng mới hàng rào bảo vệ an ninh dọc hai bên tuyến kênh dẫn nước hiện hữu từ Sông Đà vào Trạm bơm sông; Công tác tìm kiếm các khách hàng/đối tác tiềm năng để đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết, M&A; Nghiên cứu đầu tư các tuyến ống truyền tải Cấp 2 để đảm bảo việc mở rộng địa bàn/phạm vi cấp nước của Công ty, kế hoạch đầu tư trong năm 2020 của Công ty như sau:

STT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị (10 ⁹ đồng)	Ghi chú
I	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2	967,38	
1	Chi phí đầu tư	957,40	
2	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	9,98	
II	Cải tạo hệ thống giai đoạn 1 để phát huy tối đa công suất của Nhà máy	154,60	(*)
III	M&A và mua bán Cổ phần	100,00	
IV	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	10,00	
	Cộng (I) + (II) + (III) + (IV)	1.231,98	

Ghi chú: (*) Hạng mục đầu tư cải tạo hệ thống giai đoạn 1 để phát huy tối đa công suất của Nhà máy thực hiện trong năm 2020, bao gồm: Hệ thống SCADA; Nâng công suất Trạm bơm hồ và Trạm bơm sông; Đầu tư dây chuyền ép bùn; Xây dựng mới hàng rào bảo vệ an ninh dọc hai bên tuyến kênh dẫn nước hiện hữu từ Sông Đà vào Trạm bơm sông. Tiến độ hoàn thành Quý IV/2020. Riêng công tác cải tạo khu xử lý dự kiến trong năm 2020 hoàn thành 50% khối lượng công việc và giá trị đầu tư.

Kính trình Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (B/c);
- LưuTCHC.



Nguyễn Xuân Quý

Số: 184 /2020/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 13 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 2 ngày 10/4/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ngày 10/04/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (có bản đính kèm)

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 32

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 24 tháng 2 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCoM từ ngày 23 tháng 11 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính tại xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Thanh Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Lưu Việt Thịnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Tồn	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	
Ông Lưu Việt Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT/ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 10 tháng 4 năm 2019 như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019
Ông Tào Minh Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2019

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2020/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty đã miễn nhiệm tất cả các thành viên Ban kiểm soát và thành lập Ban kiểm toán nội bộ.

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ từ ngày 21 tháng 1 năm 2020 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Đăng Khoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2020
Ông Lê Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2020



Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Quý	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Tồn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2019
Ông Lưu Việt Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2020
Ông Vũ Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ông Bùi Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 11 năm 2019 là Ông Nguyễn Văn Tồn, từ ngày 4 tháng 11 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Quý, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Quý

Hòa Bình, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61441037/21235743

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công ty”), được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

ĐẠI BIỂU
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		289.363.377.626	247.645.282.408
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	55.456.910.792	34.276.027.643
111	1. Tiền		37.456.910.792	31.276.027.643
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	3.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		150.311.315.035	112.832.570.599
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	108.340.782.939	96.248.942.836
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	24.965.501.459	16.057.939.880
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	17.005.030.637	525.687.883
140	III. Hàng tồn kho	7	62.768.213.366	63.727.141.091
141	1. Hàng tồn kho		65.227.897.320	66.186.825.045
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.459.683.954)	(2.459.683.954)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		20.826.938.433	36.809.543.075
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	704.925.542	367.986.207
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	17.858.788.059	36.441.556.868
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	2.263.224.832	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.314.746.472.764	1.104.530.921.445
220	I. Tài sản cố định		1.146.815.710.425	585.792.054.374
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.146.815.710.425	585.792.054.374
222	Nguyên giá		2.247.234.258.221	1.578.619.500.332
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.100.418.547.796)	(992.827.445.958)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		878.969.151	878.969.151
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(878.969.151)	(878.969.151)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		109.775.247.138	510.555.898.890
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	109.775.247.138	510.555.898.890
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	39.899.882.050	125.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.072.195.000	125.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		(10.172.312.950)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		18.255.633.151	8.057.968.181
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	18.255.633.151	8.057.968.181
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.604.109.850.390	1.352.176.203.853

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		629.266.770.909	365.161.179.057
310	I. Nợ ngắn hạn		208.320.801.109	158.012.582.586
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	147.803.465.941	92.111.725.554
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	22.636.365.584	19.967.221.373
314	3. Phải trả người lao động		3.865.942.763	3.554.365.871
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.491.737.563	3.139.247.834
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.842.344.155	7.710.393.702
320	6. Vay ngắn hạn	18	19.676.790.705	31.059.473.854
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	4.004.154.398	470.154.398
330	II. Nợ dài hạn		420.945.969.800	207.148.596.471
338	1. Vay dài hạn	18	420.945.969.800	207.148.596.471
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		974.843.079.481	987.015.024.796
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	974.843.079.481	987.015.024.796
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		750.000.000.000	750.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		750.000.000.000	750.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.202.126.044	2.202.126.044
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		222.640.953.437	234.812.898.752
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		159.812.898.752	16.235.556.188
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		62.828.054.685	218.577.342.564
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.604.109.850.390	1.352.176.203.853

Người lập
Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng
Đào Gia Thắng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Quý

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cấp nước và cung cấp dịch vụ	20.1	540.072.757.601	468.566.783.015
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cấp nước và cung cấp dịch vụ	20.1	540.072.757.601	468.566.783.015
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(260.781.184.337)	(200.669.543.675)
20	5. Lợi nhuận gộp về cấp nước và cung cấp dịch vụ		279.291.573.264	267.897.239.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.709.820.925	2.974.551.450
22	7. Chi phí tài chính	22	(26.749.907.580)	(6.457.574.467)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.577.594.630)	(6.437.232.584)
25	8. Chi phí bán hàng		(2.036.940.807)	(807.759.304)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(30.507.008.743)	(33.163.567.823)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		221.707.537.059	230.442.889.196
31	11. Thu nhập khác		869.011.874	274.609.091
32	12. Chi phí khác	24	(77.175.624.729)	(260.780.355)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(76.306.612.855)	13.828.736
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		145.400.924.204	230.456.717.932
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(7.572.869.519)	(11.879.375.368)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		137.828.054.685	218.577.342.564
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.838	2.830
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	1.838	2.830

Người lập
Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng
Đào Gia Thắng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Quý

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		145.400.924.204	230.456.717.932
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình		107.235.244.838	96.648.605.886
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		10.172.312.950	(294.170.245)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.709.820.925)	(3.232.660.541)
06	Chi phí lãi vay	22	16.577.594.630	6.437.232.584
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		277.676.255.697	330.015.725.616
09	Tăng các khoản phải thu		(11.181.133.509)	(71.358.202.032)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		958.927.725	(1.805.419.035)
11	Tăng các khoản phải trả		26.824.887.217	13.435.442.357
12	Tăng chi phí trả trước		(10.534.604.305)	(935.758.265)
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.560.086.956)	(6.409.295.279)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.557.994.490)	(10.635.895.776)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(466.000.000)	(1.875.884.835)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		253.160.251.379	250.430.712.751
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(235.154.208.463)	(313.394.586.811)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	258.109.091
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(49.947.195.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		639.315.553	2.974.551.450
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(284.462.087.910)	(310.161.926.270)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		238.175.414.357	223.284.481.944
34	Tiền trả nợ gốc vay		(35.760.724.177)	(199.517.603.641)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(149.931.970.500)	(74.645.307.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động tài chính		52.482.719.680	(50.878.429.447)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		21.180.883.149	(110.609.642.966)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.276.027.643	144.885.670.609
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	55.456.910.792	34.276.027.643

Người lập
Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng
Đào Gia Thắng



Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Quý

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 24 tháng 2 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCoM từ ngày 23 tháng 11 năm 2016.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 123 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 154).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế, vật tư và nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 3 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cấp nước

Doanh thu cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng giữa Công ty và các khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế được nghiệm thu. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

100%
 CÔNG
 CỔ
 ĐẦU TƯ
 SÔNG
 ĐÀ BI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	370.468.332	386.899.180
Tiền gửi ngân hàng	37.086.442.460	30.889.128.463
Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>55.456.910.792</u>	<u>34.276.027.643</u>

(*) Các khoản tiền tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 5,2%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Viwaco	69.110.274.359	66.114.236.778
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	9.967.936.078	16.152.720.004
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	10.143.553.447	3.920.570.406
Các khoản phải thu khách hàng khác	19.119.019.055	10.061.415.648
TỔNG CỘNG	<u>108.340.782.939</u>	<u>96.248.942.836</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam	13.195.201.150	13.195.201.150
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	5.148.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	1.950.000.000	-
Các khoản trả trước khác	4.672.300.309	2.862.738.730
TỔNG CỘNG	<u>24.965.501.459</u>	<u>16.057.939.880</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	15.785.496.300	358.000.000
Lãi dự thu	1.070.505.372	-
Đặt cọc	134.838.000	134.838.000
Các khoản phải thu khác	14.190.965	32.849.883
TỔNG CỘNG	<u>17.005.030.637</u>	<u>525.687.883</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	61.378.417.593	(2.459.683.954)	63.457.483.066	(2.459.683.954)
Công cụ và dụng cụ	819.852.285	-	718.390.285	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.029.627.442	-	2.010.951.694	-
TỔNG CỘNG	<u>65.227.897.320</u>	<u>(2.459.683.954)</u>	<u>66.186.825.045</u>	<u>(2.459.683.954)</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc, hệ thống ống dẫn	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	1.424.981.444.212	139.041.921.963	12.441.655.091	2.154.479.066	1.578.619.500.332	
- Mua trong năm	-	1.017.130.000	5.410.137.727	182.315.000	6.609.582.727	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	590.051.894.145	71.953.281.017	-	-	662.005.175.162	
Số cuối năm	2.015.033.338.357	212.012.332.980	17.851.792.818	2.336.794.066	2.247.234.258.221	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	168.752.947.199	127.780.187.782	3.737.828.272	1.227.140.884	301.498.104.137	
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	853.501.672.766	133.114.304.404	5.019.885.411	1.191.583.377	992.827.445.958	
- Khấu hao trong năm	99.600.482.555	5.409.738.276	2.383.820.122	197.060.885	107.591.101.838	
Số cuối năm	953.102.155.321	138.524.042.680	7.403.705.533	1.388.644.262	1.100.418.547.796	
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	571.479.771.446	5.927.617.559	7.421.769.680	962.895.689	585.792.054.374	
Số cuối năm (**)	1.061.931.183.036	73.488.290.300	10.448.087.285	948.149.804	1.146.815.710.425	

(*) Trong năm, Công ty đã ghi nhận tài sản cố định đối với công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4 km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về Đường vành đai 3 Hà Nội thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn 2.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị với giá trị còn lại là khoảng 489 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 18.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 14.242.517.307 VND (năm 2018: 9.795.915.604 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay đầu tư hình thành Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	109.447.874.441	510.228.526.193
Tư vấn sửa chữa kênh dẫn nước sông Đà	327.372.697	327.372.697
TỔNG CỘNG	109.775.247.138	510.555.898.890

Tài sản hình thành trong tương lai thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông là tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 18.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty Cổ phần Viwaco (*)	49.947.195.000	(10.172.312.950)	39.774.882.050	-	-	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	125.000.000	-	(**)	125.000.000	-	(**)
TỔNG CỘNG	50.072.195.000	(10.172.312.950)	39.774.882.050	125.000.000	-	-

(*) Trong năm, Công ty đã mua 925.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viwaco, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 5,78%. Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa là 43.000 đồng của công ty này tại ngày báo cáo.

(**) Do cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	419.735.212	83.738.878
Chi phí trả trước khác	285.190.330	284.247.329
TỔNG CỘNG	704.925.542	367.986.207
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	11.705.846.181	6.768.921.392
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	6.513.010.059	974.991.669
Chi phí trả trước khác	36.776.911	314.055.120
TỔNG CỘNG	18.255.633.151	8.057.968.181

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán				
- Công ty Cổ phần Licogi 16	134.994.531.394	134.994.531.394	80.682.399.111	80.682.399.111
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	3.822.819.927	3.822.819.927	3.822.819.927	3.822.819.927
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và cấp nước Sông Đà	-	-	2.419.367.200	2.419.367.200
- Phải trả đối tượng khác	8.986.114.620	8.986.114.620	5.187.139.316	5.187.139.316
TỔNG CỘNG	147.803.465.941	147.803.465.941	92.111.725.554	92.111.725.554

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Phí cấp quyền khai thác	4.969.304.485	7.042.566.396	-	12.011.870.881
Phí dịch vụ môi trường rừng	9.438.546.404	5.443.233.640	(5.378.194.380)	9.503.585.664
Thuế tài nguyên	487.127.473	5.455.551.945	(5.408.167.844)	534.511.574
Thuế thu nhập cá nhân	379.515.036	1.786.174.232	(1.697.703.601)	467.985.667
Phí bảo vệ môi trường	62.749.031	953.381.122	(897.718.355)	118.411.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.721.900.139	7.572.869.519	(11.294.769.658)	-
Thuế giá trị gia tăng	908.078.805	14.202.430.693	(15.110.509.498)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	19.967.221.373	42.459.207.547	(39.790.063.336)	22.636.365.584
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số được hoàn trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	36.441.556.868	24.339.533.908	(42.922.302.717)	17.858.788.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.263.224.832	-	2.263.224.832
TỔNG CỘNG	36.441.556.868	26.602.758.740	(42.922.302.717)	20.122.012.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay phải trả	3.891.813.544	1.897.787.009
Chi phí kiểm nghiệm mẫu nước và xử lý dầu	3.022.294.545	-
Chi phí điện năng	1.462.129.474	1.024.021.457
Chi phí phải trả khác	115.500.000	217.439.368
TỔNG CỘNG	<u>8.491.737.563</u>	<u>3.139.247.834</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	-	6.301.735.682
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	1.060.121.000	735.270.000
Chi phí khác	782.223.155	673.388.020
TỔNG CỘNG	<u>1.842.344.155</u>	<u>7.710.393.702</u>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	470.154.398	647.119.016
Trích quỹ trong năm (*)	4.000.000.000	1.698.920.217
Sử dụng quỹ trong năm	(466.000.000)	(1.875.884.835)
Số cuối năm	<u>4.004.154.398</u>	<u>470.154.398</u>

(*) Vào ngày 20 tháng 9 năm 2019, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 30A/2019/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị phê duyệt trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ khoản khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành năm 2018, số tiền là 4.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	26.146.451.666	26.146.451.666	19.465.018.840	(30.847.701.989)	14.763.768.517	14.763.768.517	
Vay dài hạn đến hạn trả	4.913.022.188	4.913.022.188	4.913.022.188	(4.913.022.188)	4.913.022.188	4.913.022.188	
TỔNG CỘNG	31.059.473.854	31.059.473.854	24.378.041.028	(35.760.724.177)	19.676.790.705	19.676.790.705	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	207.148.596.471	207.148.596.471	218.710.395.517	(4.913.022.188)	420.945.969.800	420.945.969.800	
TỔNG CỘNG	207.148.596.471	207.148.596.471	218.710.395.517	(4.913.022.188)	420.945.969.800	420.945.969.800	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	14.763.768.517	Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi vay được trả hàng tháng. Đáo hạn lần cuối vào ngày 30 tháng 6 năm 2020.	7,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	14.763.768.517			

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (*)	355.848.425.796	Thời gian cho vay là 216 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 11 năm 2036. Lãi vay và gốc vay được trả hàng quý. Hạn 48 tháng kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018.	8,4%- 8,9%/năm	Tài sản thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc- Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông, Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m ³ và Tài sản mua sử dụng cho Giai đoạn I Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây- Hòa Lạc- Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông với công suất 300.000 m ³ .
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (**)	70.010.566.192	Thời gian cho vay là 216 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 2 năm 2034. Lãi vay và gốc vay được trả hàng quý.	9,4%- 9,5%/năm	Tài sản thuộc Phân kỳ 1 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc- Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông, Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m ³ .
TỔNG CỘNG	425.858.991.988			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	4.913.022.188			
Vay dài hạn	420.945.969.800			

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Số đầu năm	Tăng vốn điều lệ			
Số đầu năm	500.000.000.000	2.202.126.044	2.202.126.044	350.093.944.312	852.296.070.356
- Tăng vốn điều lệ	250.000.000.000	-	-	(250.000.000.000)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	218.577.342.564	218.577.342.564
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.698.920.217)	(1.698.920.217)
- Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	-	-	-	(7.159.467.907)	(7.159.467.907)
- Cổ tức công bố	-	-	-	(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
Số cuối năm	750.000.000.000	2.202.126.044	2.202.126.044	234.812.898.752	987.015.024.796
Năm nay					
Số đầu năm	750.000.000.000	2.202.126.044	2.202.126.044	234.812.898.752	987.015.024.796
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	137.828.054.685	137.828.054.685
- Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Số cuối năm	750.000.000.000	2.202.126.044	2.202.126.044	222.640.953.437	974.843.079.481

(*) Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ - ĐHCĐ, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trích sử dụng lợi nhuận để lại của năm 2018 để công bố chia cổ tức với số tiền là 75.000.000.000 VND. Vào ngày 18 tháng 4 năm 2019, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 11/2019/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thực hiện tạm ứng 2% cổ tức của năm 2019 với số tiền là 15.000.000.000 VND. Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 27/2019/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thực hiện tạm ứng 8% cổ tức của năm 2019 với số tiền là 60.000.000.000 VND. Tổng số tiền cổ tức công bố trong năm 2019 là 150.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

<i>Cổ đông</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Cổ phiếu phổ thông VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	453.480.000.000	60,46	453.480.000.000	60,46
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh	269.100.000.000	35,88	269.100.000.000	35,88
Các cổ đông khác	27.420.000.000	3,66	27.420.000.000	3,66
TỔNG CỘNG	750.000.000.000	100,00	750.000.000.000	100,00

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	150.000.000.000	75.000.000.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2018: VND 1.000/cổ phiếu (2017: VND 1.500/cổ phiếu)	75.000.000.000	75.000.000.000
Tạm ứng cổ tức trong năm 2019: VND 1.000/cổ phiếu	75.000.000.000	-

19.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	75.000.000	750.000.000.000	75.000.000	750.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.000.000	750.000.000.000	75.000.000	750.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	750.000.000.000	75.000.000	750.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	75.000.000	750.000.000.000	75.000.000	750.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	750.000.000.000	75.000.000	750.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại sàn giao dịch UPCoM với mã giao dịch là VCW.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	540.072.757.601	468.566.783.015
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cấp nước</i>	535.099.278.419	468.566.783.015
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	4.973.479.182	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	540.072.757.601	468.566.783.015
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cấp nước</i>	535.099.278.419	468.566.783.015
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	4.973.479.182	-

Doanh thu được ghi nhận trong năm của hợp đồng xây dựng và doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng chưa hoàn thành là 4.973.479.182 VND.

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	1.678.592.925	2.940.176.450
Cổ tức được chia	31.228.000	34.375.000
TỔNG CỘNG	1.709.820.925	2.974.551.450

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hoạt động cấp nước	255.133.126.576	200.669.543.675
Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.648.057.761	-
TỔNG CỘNG	260.781.184.337	200.669.543.675

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	16.577.594.630	6.437.232.584
Dự phòng giảm giá đầu tư	10.172.312.950	-
Chi phí tài chính khác	-	20.341.883
TỔNG CỘNG	26.749.907.580	6.457.574.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	16.150.004.074	15.947.294.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.178.046.155	3.247.398.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.128.515.067	4.717.712.123
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.050.443.447	9.251.162.205
TỔNG CỘNG	<u>30.507.008.743</u>	<u>33.163.567.823</u>

24. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí khác		
Chi phí hỗ trợ khách hàng khắc phục sự cố về cấp nước	76.302.752.694	-
Tiền điện	866.011.874	-
Phạt vi phạm về thuế	-	85.455.091
Khác	6.860.161	175.325.264
TỔNG CỘNG	<u>77.175.624.729</u>	<u>260.780.355</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.658.999.073	24.128.246.915
Chi phí nhân công	33.658.010.284	30.652.863.436
Chi phí khấu hao và hao mòn	107.235.254.838	96.648.605.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.256.940.306	60.911.794.147
Chi phí khác	33.534.605.134	24.304.434.872
TỔNG CỘNG	<u>294.343.809.635</u>	<u>236.645.945.256</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2024), đồng thời được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Do đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty năm nay là 5%.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.572.869.519	11.879.375.368
TỔNG CỘNG	7.572.869.519	11.879.375.368

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.400.924.204	230.456.717.932
Thuế TNDN theo thuế suất 5% áp dụng cho Công ty	7.270.046.210	11.522.835.897
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các chi phí không được khấu trừ khác	301.834.553	356.539.471
Các khoản điều chỉnh khác	988.756	-
Chi phí thuế TNDN	7.572.869.519	11.879.375.368

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (*)	2.794.500.000	8.226.735.682
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	3.014.958.800	2.271.659.844
TỔNG CỘNG	5.809.458.800	10.498.395.526

(*) Vào ngày 20 tháng 9 năm 2019, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 30A/2019/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị phê duyệt trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ khoản khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành năm 2018, số tiền là 4.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	137.828.054.685	218.577.342.564
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.301.735.682)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	137.828.054.685	212.275.606.882
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	137.828.054.685	212.275.606.882
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	75.000.000	75.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.838	2.830
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.838	2.830

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

29. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến việc đầu tư hình thành tài sản cố định của Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông. Tổng số vốn đầu tư cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 212,5 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập
Nguyễn Thị Vân Anh



Kế toán trưởng
Đào Gia Thắng



Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Quý

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Hòa Bình, ngày 13 tháng 04 năm 2020.

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HẾT NHIỆM KỲ
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2020

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Trong năm 2019, Công ty vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức, tuyến ống giai đoạn 1 bằng Cốt sợi thủy tinh suy yếu và thường xuyên xảy ra sự cố (tám lần vỡ), địa bàn cấp nước của Thành phố Hà Nội có thêm một số nhà máy nước mặt đưa vào hoạt động hoặc nâng công suất cạnh tranh trực tiếp với Công ty, các điểm đầu nối với khách hàng hiện hữu đã tiệm cận đến khả năng cung cấp. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.

Hội đồng quản trị luôn sát sao chỉ đạo hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong việc triển khai đầu tư Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “*Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, Giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngày*” (Dự án Nước sạch Sông Đà giai đoạn 2) theo đúng các Quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó Hội đồng quản trị Công ty cũng đã không ngừng phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội về công tác quản trị điều hành năm 2019 và nhiệm kỳ 2015-2020 và kế hoạch công tác năm 2020 như sau.

I. Kết quả công tác quản trị điều hành năm 2019 và nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Với vai trò đại diện cho các Cổ đông của Công ty, trong nhiệm kỳ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để định hướng, chỉ đạo, giám sát... đưa ra những quyết định kịp thời mang tính hiệu quả; Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án của Công ty.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2019 như sau:

- Ngày 04/04/2019 và ngày 29/8/2019: Phê duyệt Hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng Thương Mại CP ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tây Hồ cho Dự án Nước sạch Sông Đà giai đoạn 2;
- Ngày 04/7/2019: Nhất trí phê duyệt lựa chọn Công ty Ernst&Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty;
- Ngày 27/8/2019: Phê duyệt cơ cấu tổ chức và định biên nhân sự Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;
- Ngày 16/9/2019: Phê duyệt “Quy chế tiền lương”, “Quy chế thưởng năng suất” cho Người lao động Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà;

- Ngày 14/10/2019 và ngày 10/12/2019: Phê duyệt chủ trương mua lại tối đa 16% cổ phần của Công ty Cổ phần VIWACO;
- Ngày 16/10/2019: Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết nhằm khắc phục sự cố chất thải đổ xuống nguồn nước sản xuất bằng chi phí của Công ty và báo cáo Hội đồng quản trị khi có kết quả thực hiện;
- Ngày 24/10/2019 và ngày 31/12/2019: Thống nhất chủ trương hỗ trợ Người dân thông qua các Khách hàng của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà tiền sử dụng nước trong kỳ ghi thu tháng 10 và 11/2019;
- Các Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong quá trình triển khai Dự án Nước sạch Sông Đà giai đoạn 2 (có Báo cáo riêng kèm theo);
- ...vv...

Đánh giá trong từng mặt hoạt động của Công ty như sau:

1. Công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ, thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giúp ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

Một số vấn đề quan trọng đã được phê duyệt trong nhiệm kỳ

- Phê duyệt thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Ban Quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà.
- Phê duyệt các quy chế nội bộ của Công ty: Cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự công ty, Quy chế trả lương Công ty, Quy chế hoạt động/tài chính của Ban Quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà ...vv.
- Bỏ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
- Bỏ nhiệm/miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty, Giám đốc Nhà máy.
- ...vv...

2. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và điều hành Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu Công ty đạt được trong nhiệm kỳ như sau:

TT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019
1	Sản lượng (triệu m ³)	85,1	78,9	80,3	91,0	104,5
2	Doanh thu	404,7	410,3	418,538	468.566	540,07
3	Lợi nhuận sau thuế	147,2	161,2	169,892	218.577	137,82(*)
4	Nộp ngân sách Nhà nước	18,2	38,6	37,916	37,768	41,650

Ghi chú: (*) Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty giảm nhiều so với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu do phát sinh chi phí khắc phục sự cố của vụ án đổ trộm dầu thải vào Suối Trầm chảy trực tiếp vào Hồ Đàm Bài (Hồ sơ lắng và trữ nước của Nhà máy) ngày 09/10/2019 và chi phí miễn tiền sử dụng nước trong kỳ ghi thu tháng 10/2019 và tháng 11/2019 cho người dân sử dụng nước sạch Sông Đà qua các Công ty phân phối.

3. Công tác giám sát tài chính:

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty, đảm bảo tốt công tác cân đối dòng tiền để đảm bảo chỉ trả cổ tức, mua vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.
- Đưa cổ phiếu của Công ty lên niêm yết tại sàn UPcom trong năm 2017.
- Phê duyệt, giám sát và chỉ đạo thành công việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 500 tỷ lên 750 tỷ đồng.

4. Công tác đầu tư:

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã chỉ đạo: (i) Mua thành công 925 nghìn Cổ phần (5,78%) của Cổ phần của Công ty Cổ phần VIWACO (khách hàng lớn của Công ty) trong năm 2019 với giá trị đầu tư là 49,95 tỷ đồng (đầu tư dài hạn); (ii) Tiếp tục triển khai đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2, cụ thể:

- Năm 2016, đã hoàn thành thi công xây lắp gần 1km tuyến ống truyền tải nước sạch số 2 đường kính D1800 bằng thép trên tổng số 40km đoạn từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ tại các vị trí bắc qua sông Sông Tích, Sông Đào Nguyên và Sông Đáy.
- Năm 2018, thực hiện rà soát và phê duyệt điều chỉnh Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư tổng thể của cả hai giai đoạn dự án;
- Năm 2019, hoàn thành đầu tư Hạng mục Trạm điều tiết lưu lượng Tây Mỗ và 6,4 km tuyến ống truyền tải đường kính D1600 từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đầu đường Vành đai 3 Hà Nội của Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 để nâng công suất hệ thống lên 300.000 m³/ngày/đêm theo đúng công suất thiết kế của Dự án Giai đoạn 1;
- Và ký các quyết định trong quá trình đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và ủy quyền của Đại hội Cổ đông cho Hội đồng quản trị như: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và Dự toán xây dựng công trình, phê duyệt kết quả lựa chọn thầu, phê duyệt thiết kế Bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình; phê duyệt dự thảo Hợp đồng ... Vv theo đúng thẩm quyền được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ của Công ty.

- Tổng giá trị đã giải ngân cho Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 đến hết năm 2019 là khoảng 780,74 tỷ, trong đó vốn tự có đối ứng của Công ty là 346,28 tỷ, vốn vay là 434,46 tỷ.

5. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đại chúng và quan hệ với Cổ đông.

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính, báo cáo về chốt danh sách cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt ... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý Cổ đông.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành Công ty trong nhiệm kỳ

- Ban Giám đốc Công ty luôn sâu sát trong hoạt động SXKD; Chấp hành tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đặc biệt là:
 - + Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm.
 - + Trong điều kiện thị trường sản xuất và kinh doanh nước sạch ngày càng bị cạnh tranh do xuất hiện các nhà đầu tư mới, đường ống truyền tải nước sạch giai đoạn 1 đang xuống cấp nghiêm trọng và thường xuyên sảy ra sự cố, mực nước trên Sông Đà xuống thấp..., Ban điều hành đã chủ động, tích cực trong việc khắc phục sự cố tuyến ống, phối hợp với Nhà máy thủy điện Sông Đà/ Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia (A₀), nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như sản lượng nước sản xuất hàng năm, đảm bảo an toàn cấp nước cho người dân thành phố Hà Nội, củng cố và mở rộng địa bàn cấp nước của Công ty.
- Ban điều hành Công ty thường xuyên đưa ra những đề xuất kịp thời với HĐQT, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý đầu tư; đồng thời làm tốt mối quan hệ hợp tác với Cổ đông; Công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

* **Kết luận:** Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh/đầu tư phù hợp với thực tế và yêu cầu của HĐQT Công ty.

III. Một số nhiệm vụ điều hành trọng tâm của Hội đồng quản trị năm 2020.

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, với ý thức, trách nhiệm trước Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 như sau:

1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường công tác quản trị, đề ra các chiến lược và giải pháp chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với một số chỉ tiêu chính sau:

11.1. G. S. H. Q. 10/11

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng	m ³	104.509.570	99.363.020
2	Doanh thu	Tỷ đồng	540	514,648
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	137,82	136,281
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	41,650	37,8

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành Công ty Nghiên cứu, áp dụng các công nghệ sản xuất của các nước tiên tiến vào quản lý vận hành, tăng hiệu suất sản xuất cũng như năng suất lao động và đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn, liên tục phục vụ cho các Khách hàng.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa Công ty với các Cơ quan quản lý, cơ quan chức năng đảm bảo an ninh nguồn nước, hạn chế tối đa và phát hiện, ngăn chặn sớm, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm gây mất an ninh trật tự, an toàn nguồn nước.
- Tổ chức chỉ đạo phương án xây dựng hàng rào bảo vệ kênh dẫn nước, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình nguồn và khu xử lý của Dự án Giai đoạn 1 để đảm bảo an toàn cấp nước cũng như phát huy tối đa công suất của Dự án Giai đoạn 1.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung: các quy chế quản lý nội bộ, cơ cấu tổ chức, nhân sự để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn 2 và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

2. Về công tác đầu tư.

- Tiếp tục chỉ đạo Công ty/Ban QLDA Nước sạch Sông Đà triển khai Dự án đầu tư và Tổng mức đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông”, giai đoạn 2, nâng công suất lên 600.000m³/ngày với các nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu chính như sau:
 - + Hoàn thành công tác rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu Khả thi Dự án và Thiết kế Kỹ thuật thi công các hạng mục còn lại của Dự án. Tiến độ hoàn thành trong Quý III/2020.
 - + Hoàn thành công tác giải trình Cục Giám định – Bộ Xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; hoàn thành công tác quyết toán hạng mục công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường vành đai 3 Hà Nội của Dự án Giai đoạn 2. Tiến độ hoàn thành trong Quý II/2020.
 - + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký kết thực hiện Hợp đồng các gói thầu liên quan đến thi công xây dựng hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch giai đoạn 2, phần còn lại (đoạn từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ). Tiến độ hoàn thành trong Quý III/2020.
 - + Hoàn thành công tác thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán; triển khai sớm công tác lựa chọn mua sắm thiết bị và thi công xây dựng Trạm bơm nước dâng đầu kênh và xử lý nạo vét bãi bồi. Tiến độ hoàn thành công tác lắp đặt cuối Quý IV/2020.
 - + Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán hạng mục tuyến ống nước thô qua hồ Đàm Bài.

- Hoàn thành công tác cải tạo hệ thống giai đoạn 1 để phát huy tối đa công suất của Nhà máy, bao gồm: Hệ thống SCADA; Nâng công suất Trạm bơm hồ và Trạm bơm sông; Đầu tư dây chuyền ép bùn; Xây dựng mới hàng rào bảo vệ an ninh dọc hai bên tuyến kênh dẫn nước hiện hữu từ Sông Đà vào Trạm bơm Sông. Tiến độ hoàn thành Quý IV/2020. Riêng công tác cải tạo Khu xử lý dự kiến trong năm 2020 hoàn thành 50% khối lượng công việc và giá trị đầu tư.
- Tiếp tục nghiên cứu và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho phép đầu tư các tuyến ống truyền tải cấp 2 theo Quy hoạch điều chỉnh cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Xây dựng thẩm định để đảm bảo việc mở rộng địa bàn/ phạm vi cấp nước của Dự án.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty tìm kiếm các khách hàng/đối tác tiềm năng để thực hiện đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết, M&A theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty.

*** Các chỉ tiêu đầu tư năm 2020 của Công ty:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Dự án đầu tư/ Nội dung	Giá trị đầu tư	Ghi chú
I	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn 2	967,38	
1	Chi phí đầu tư	957,40	
2	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	9,98	
II	Cải tạo hệ thống giai đoạn 1 để phát huy tối đa công suất của Nhà máy	154,60	
III	M&A và mua bán Cổ phần	100,00	
IV	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	10,00	
	Cộng (I) + (II) + (III) + (IV)	1.231,98	

Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo Đại hội về công tác quản trị điều hành năm 2019 nhiệm kỳ 2015-2020 và kế hoạch công tác năm 2020, Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng

Số: 186 /2020/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 13 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 2 ngày 10/4/2019;

Căn cứ yêu cầu thực tế công tác kế toán và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị các Công ty kiểm toán sau đây có đủ năng lực và điều kiện để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP đầu tư Nước sạch Sông Đà như sau:

1. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng

Số: 187 /2020/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 13 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2020”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 2 ngày 10/4/2019;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

1. Năm 2019: Công ty đã thực hiện việc quyết toán cụ thể như sau:

Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019 là: 2.794.500.000 đồng, trong đó:

- + Thù lao của Hội đồng quản trị: 2.752.500.000 đồng
- + Thù lao của Ban kiểm soát: 42.000.000 đồng

2. Năm 2020: kế hoạch chi trả thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng,

Trong đó:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị là: 50.000.000 đ/tháng.
- + Thành viên HĐQT: 30.000.000 đ/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng

Số: 188 /2020/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 13 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01/02/2018 và được sửa đổi bổ sung ngày 10/4/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		145.400.924.204
2	Thuế TNDN		7.572.869.519
3	Lợi nhuận sau thuế (3) = (1) – (2)		137.828.054.685
4	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước		234.812.898.752
5	Chi trả cổ tức năm 2018	10%	75.000.000.000
6	Tổng lợi nhuận còn lại (6) = (3) + (4) – (5)		297.640.953.437
7	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (7) = (3)*2%	2%	2.756.561.000
8	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền (Đã thực hiện tạm ứng 10% trong năm 2019)	10%	75.000.000.000
9	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau: (9) = (6) – (7) – (8)		219,884,392,437
10	Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020	15%	

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế năm 2020 để quyết định thời gian tạm ứng cổ tức 2020 cho phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



Lương Thanh Tùng

TỜ TRÌNH

“V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà do thay đổi địa giới hành chính”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01/02/2018; được sửa đổi bổ sung ngày 10/4/2019;

- Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà về việc: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

- Căn cứ Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc: sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, Phòng đăng ký Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 6 cho Công ty, trong đó thay đổi:

- **Địa chỉ trụ sở chính cũ:** Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- **Địa chỉ trụ sở chính mới:** Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết số 830/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc: sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hòa Bình. Hội đồng quản trị Công ty Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà quy định tại Khoản 3 thuộc Điều 2 của Điều lệ Công ty được sửa đổi thành như sau:

“3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:



▪ Địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.”

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng



Số: 190 /2020/BC-HĐQT

Hoà Bình, ngày 13 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

“V/v: Thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông cho Hội đồng quản trị đối với việc triển khai Dự án Giai đoạn II”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/02/2018, được bổ sung và sửa đổi ngày 10/4/2019.

Thực hiện Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/02/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà về việc ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông được Pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án giai đoạn II điều chỉnh và Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/08/2019 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà về việc Phê duyệt vật liệu ống thép hàn xoắn bên trong Sơn Epoxy, bên ngoài sơn Epoxy hoặc PU là vật liệu chính tuyến ống cho Tuyến ống số 2, đoạn từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc Dự án giai đoạn II và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cổ đông được Pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai sử dụng vật liệu chính cho Tuyến ống số 2, đoạn từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ là ống thép hàn xoắn bên trong Sơn Epoxy, bên ngoài sơn Epoxy hoặc PU và những vật liệu chính khác tại các vị trí đặc thù của Tuyến ống đi qua, Hội đồng quản trị đã ban hành một số Quyết định như sau:

- Quyết định số 04/2019/QĐ-HĐQT ngày 19/03/2019 về việc: Giao kế hoạch hoạt động năm 2019 của Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Ban quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà.
- Quyết định số 05/2019/QĐ-HĐQT ngày 29/03/2019 về việc điều chỉnh KHLCNT gói thầu TV23 “Tur vắn thăm tra thiết kế kỹ thuật tuyến ống truyền tải nước sạch” & gói thầu TV24 “Tur vắn thăm tra dự toán thiết kế kỹ thuật tuyến ống truyền tải nước sạch còn lại” và bổ sung KHLCNT gói thầu TV25 “Điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện dự án đầu tư Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ”.
- Quyết định số 06/2019/QĐ-HĐQT ngày 04/04/2019 về việc phê duyệt Dự thảo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng Tín dụng số 01/2018/HĐTD/VIWASUPCO-VCB ký ngày 15/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.
- Quyết định số 11/2019/QĐ-HĐQT ngày 03/05/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong kế hoạch đấu thầu gói thầu TV25 “Điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện dự án đầu tư Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ”.
- Quyết định số 12/2019/QĐ-HĐQT ngày 03/05/2019 về việc phê duyệt bổ sung phạm vi công việc cho Hợp đồng số 02/2019/HĐKT/BQLDA-TV21 ký ngày 18/3/2019 giữa Ban quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà và Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam về việc tư vấn khảo sát, thiết kế kỹ thuật và lập dự toán Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch – Phần còn lại thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc –



Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m3/ngđ.

- Quyết định số 18/2019/QĐ-HĐQT ngày 05/06/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch triển khai Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m3/ngđ.
- Quyết định số 20/2019/QĐ-HĐQT ngày 28/06/2019 về việc phê duyệt một số nội dung chính của Phụ lục bổ sung cho Hợp đồng số 01/2018/VIWASUPCO/ EPC-01 ký ngày 30/04/2018 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Công ty Cổ phần LICOGI 16 về việc thiết kế, mua sắm, cung cấp vật tư và thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ về đường Vành đai 3 Hà Nội thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà, giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m3/ngđ.
- Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐQT ngày 10/07/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh giảm phạm vi công việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng Hạng mục khu nhà văn phòng và dịch vụ kỹ thuật tại Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc phạm vi công việc của Tổng thầu LICOGI 16 theo Hợp đồng EPC 01.
- Quyết định số 23/2019/QĐ-HĐQT ngày 15/07/2019 về việc điều chỉnh/ bổ sung KHLCNT một số gói thầu thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m3/ngđ”.
- Quyết định số 30/2019/QĐ-HĐQT ngày 29/08/2019 về việc Phê duyệt dự thảo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung cho Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD/ VIWASUPCO-VCB ký ngày 15/11/2018 giữa Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Ngân hàng Thương Mại CP ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tây Hồ.
- Quyết định số 46/2019/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2019 về việc Phê duyệt Dự toán xây dựng công trình Trạm điều tiết Tây Mỗ và tuyến ống truyền tải nước sạch dài 6,4Km từ Trạm điều tiết Tây Mỗ đến đường vành đai 3 Hà Nội thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn II.
- Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 08/04/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Phê duyệt Dự thảo Phụ lục 05 bổ sung cho Hợp đồng số 01/201/VIWASUPCO /EPC-01 liên quan đến phần công việc phát sinh ngoài Hợp đồng, giảm trừ các hạng mục công việc không thực hiện, bổ sung đơn giá chưa có trong Hợp đồng, đơn giá theo kết quả chào hàng cạnh tranh được Chủ đầu tư phê duyệt theo quy định của Hợp đồng và gia hạn thời gian hoàn thành;
- Quyết định số 04/2020/QĐ- HĐQT ngày 13/4/2020 Về việc: Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu TV-30 “ Khảo sát, Thiết kế bản vẽ thi công, lập Dự toán Hạng mục Trạm bơm dâng đầu kênh và nạo vét bãi bồi” thuộc Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m3/ngđ;
- Quyết định số 05/2020/QĐ – HĐQT ngày 13/4/2020 về việc giao kế hoạch hoạt động năm 2020 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà – Ban Quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà.

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Lương Thanh Tùng

Số: 191 /2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Phê duyệt lại vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống số 2, đoạn từ nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ, thuộc Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà”

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01 tháng 02 năm 2018, được bổ sung và sửa đổi lần thứ 2 ngày 10/4/2019;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2011 của HĐQT Công ty về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/8/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Công văn số 148 /HTKT-CN ngày 23/3/2020 của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800);

Căn cứ Tờ trình số 176/2020/TTr – VIWASUPCO ngày 10/4/2020 về việc Phê duyệt lại vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống truyền tải nước sạch từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ, thuộc Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ.

Thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2019 về việc “nghiên cứu sử dụng Ống thép hàn xoắn bên trong sơn Epoxy, bên ngoài sơn Epoxy hoặc PU là vật liệu chính cho tuyến ống truyền tải nước sạch thuộc Dự án cấp nước sông Đà giai đoạn 2; Sau khi có kết quả cuối cùng, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định”. Ngày 13/7/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã có Tờ trình số 291/2019/TTr-HĐQT xin ý kiến Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà phê duyệt vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống số 2, đoạn từ nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ, thuộc Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ bằng Văn bản.

Theo quy định tại điều lệ Công ty và kết quả kiểm phiếu xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản, Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã “Phê duyệt vật liệu ống thép hàn xoắn bên trong sơn Epoxy, bên ngoài sơn Epoxy hoặc PU là vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống số 2, đoạn từ nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ, thuộc Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ” tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/8/2019.



Tuy nhiên, khi xin ý kiến bằng văn bản, có Cổ đông còn có ý kiến lưu ý:

- (i) Việc sử dụng ống thép chôn ngầm cho toàn bộ Tuyến ống truyền tải số 2 (đoạn từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc Dự án Gia đoạn 2) tại các đoạn qua các khu vực có địa chất ẩm ướt sẽ có nguy cơ bị ăn mòn nhanh. Việc này sẽ tốn nhiều chi phí và thời gian khắc phục sửa chữa sau này. Bên cạnh hiệu quả kinh tế, triển khai đầu tư xây dựng đường ống truyền tải nước luôn cần trọng trên tinh thần lắp đặt xong phải đảm bảo vận hành an toàn theo vòng đời Dự án, đã lắp đặt xong thì không thể bảo trì. Do vậy việc chọn vật liệu ống, phương pháp thi công lắp đặt, các công đoạn nhập ống – vận chuyển – bảo quản, thực hiện thi công lắp đặt ... phải được kiểm tra, giám sát chặt chẽ;
- (ii) Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà có báo cáo nghiên cứu phương án sử dụng vật liệu ống đảm bảo vận hành an toàn theo vòng đời dự án và đánh giá hiệu quả kinh tế để các Cổ đông có cơ sở quyết định.

Trong thời gian qua, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty, Ban Quản lý Dự án tổ chức thực hiện và đến nay đã có kết quả cuối cùng, toàn bộ Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngđ đã được các Tư vấn lập, thẩm tra hoàn thành, được Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ xây dựng thẩm định tại Văn bản số 148 /HTKT-CN ngày 23/3/2020, được Tổ thẩm định Thiết kế kỹ thuật và Dự toán xây dựng của Ban QLDA Nước sạch Sông Đà thẩm định (các Hồ sơ tài liệu này thuộc Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã được đăng tải trên trang Web của Công ty để Cổ đông xem xét/nghiên cứu).

Với mục đích mang lại hiệu quả cao nhất cho các Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống số 2 như sau:

1. Phê duyệt vật liệu ống thép hàn xoắn bên trong sơn Epoxy, bên ngoài sơn Epoxy hoặc PU là vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống số 2, đoạn từ nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện các công việc liên quan, đề nghị Ban điều hành, Ban quản lý dự án cần có giải pháp bảo vệ chống ăn mòn vật liệu tuyến ống tối ưu, đảm bảo việc chống ăn mòn tuyến ống trong quá trình vận hành.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà xem xét, phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TCHC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phùng Thanh Tùng

Số: 192 /2020/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miêu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngđ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà”

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn thi hành luật;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01 tháng 02 năm 2018, được bổ sung và sửa đổi lần thứ 2 ngày 10/4/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/8/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2011 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2019/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2019 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch – Phần còn lại (đoạn 19km) thuộc Dự án giai đoạn II do Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam - Viwase lập và được Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) thẩm tra Thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 083/VCC ngày 25/09/2019 và thẩm tra Dự toán tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 031/VCC ngày 23/03/2020 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng;

Căn cứ Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 21km thuộc Dự án giai đoạn II do Công ty cổ phần Nước và xây dựng Đường Thành lập được Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng, Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) thẩm tra Thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo số 01/VCC ngày 09/01/2020 và thẩm tra Dự toán tại Báo cáo số 32/VCC ngày 27/3/2020;

Công văn số 148 /HTKT-CN ngày 23/3/2020 của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800);



Căn cứ Báo cáo thẩm định thiết kế kỹ thuật số 133/2020/BCTĐ-BQLDA ngày 8/4/2020 và Báo cáo thẩm định dự toán số 134/2020/BCTĐ-BQLDA ngày 9/4/2020 do Tổ thẩm định thiết kế kỹ thuật báo cáo;

Căn cứ Tờ trình số 135/2020/TTr-BQLDA ngày 9/4/2020 của Ban QLDA Nước sạch Sông Đà về việc Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và Dự toán xây dựng công trình Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngày,

Thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà giao tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/8/2019 “*Phê duyệt vật liệu ống thép hàn xoắn bên trong sơn Epoxy, bên ngoài sơn Epoxy hoặc PU là vật liệu tuyến ống cho Tuyến ống số 2, đoạn từ nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ, thuộc Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngày*”, ngày 28/10/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị quyết số 37/2019/QĐ-HĐQT giao Chi nhánh Công ty Cổ phần Nước sạch Sông Đà - Ban Quản lý Dự án Nước sạch Sông Đà (Ban QLDA) tổ chức triển khai lập Thiết kế kỹ thuật/Dự toán và tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật/dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch số 2 đoạn từ Nhà máy đến Trạm điều tiết Tây Mỗ theo đúng quy định hiện hành.

Trong thời gian qua, Ban QLDA đã tích cực phối hợp với Tư vấn lập Hồ sơ thiết kế (Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam - Viwase & Công ty Công ty cổ phần Nước và xây dựng Đường Thành), Tư vấn thẩm tra Hồ sơ thiết kế (Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng, Công nghiệp và Đô thị Việt Nam); đến ngày 07/10/2019 đã được Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà trình Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng thẩm định Thiết kế kỹ thuật tại Tờ trình số 422/2019/TTR-VIWWASUPCO.

Đến nay, toàn bộ Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) đã được các Tư vấn lập, thẩm tra hoàn thành, được Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ xây dựng thẩm định tại Văn bản số 148 /HTKT-CN ngày 23/3/2020, được Tổ thẩm định Thiết kế kỹ thuật và Tổ thẩm định Dự toán xây dựng của Ban QLDA Nước sạch Sông Đà thẩm định.

Ngày 9/4/2020 Ban QLDA Nước sạch Sông Đà đã có Tờ trình số 135/2020/TTr-BQLDA ngày 9/4/2020 trình Hội đồng quản trị Công ty Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800). Trên cơ sở Tờ trình của Ban QLDA, Hội đồng quản trị đã *Dự thảo Quyết định Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ Km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngày để phê duyệt như Phụ lục đính kèm.*

Theo quy định Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng “*Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội*

ST
NC
P
JN
JN
BINH

dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình” thì Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục tuyến ống trên do Cấp quyết định đầu tư Phê duyệt (Đại hội Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà phê duyệt).

Do đây là một hạng mục lớn và quan trọng của Dự án Giai đoạn II, với mục đích mang lại hiệu quả cao nhất cho các Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty ***Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mô (Km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngđ*** như dự thảo Quyết định phê duyệt đính kèm Tờ trình.

Kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà xem xét, phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng

64.
TY
C S A
ĐÀ
- T. H. C

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 192 /2020/TTr-HĐQT

1. Dự thảo Quyết định Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngđ;
2. Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch – Phần còn lại (đoạn 19km) thuộc Dự án giai đoạn II do Công ty cổ phần Nước và Môi Trường Việt Nam - Viwase lập;
3. Báo cáo kết quả thẩm tra số 083/VCC ngày 25/09/2019 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng, Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) về việc thẩm tra Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch – Phần còn lại (đoạn 19km);
4. Báo cáo kết quả thẩm tra số 031/VCC ngày 23/03/2020 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng, Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) về việc thẩm tra Dự toán Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch – Phần còn lại (đoạn 19km);
5. Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch dài 21km thuộc Dự án giai đoạn II do Công ty cổ phần Nước và xây dựng Đường Thành lập được Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng lập;
6. Báo cáo kết quả thẩm tra số 01/VCC ngày 09/01/2020 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng, Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) về việc thẩm tra Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch 21km;
7. Báo cáo kết quả thẩm tra số 32/VCC ngày 27/3/2020 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng, Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) về việc thẩm tra Dự toán Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch 21km;
8. Công văn số 148 /HTKT-CN ngày 23/3/2020 của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế kỹ thuật hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800);
9. Báo cáo thẩm định thiết kế kỹ thuật số 133/2020/BCTĐ-BQLDA ngày 8/4/2020 của Tổ thẩm định thiết kế kỹ thuật Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc Dự án giai đoạn II của Ban QLDA Nước sạch Sông Đà;
10. Báo cáo thẩm định dự toán số 134/2020/BCTĐ-BQLDA ngày 9/4/2020 của Tổ thẩm định dự toán Hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc Dự án giai đoạn II của Ban QLDA Nước sạch Sông Đà;
11. Tờ trình số 135/2020/TTr-BQLDA ngày 9/4/2020 của Ban QLDA Nước sạch Sông Đà về việc Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục Tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc- Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngđ.



Số: 193 /2020/TTr-HĐQT

Hòa Bình, ngày 13 tháng 4 năm 2020.

TỜ TRÌNH

V/v: Bổ sung hạng mục Tuyển ống nước thô đi kín từ Trạm bơm Sông đến kênh thu nước của Trạm bơm Hồ cho Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/2/2018 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 2 ngày 10/4/2019;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và sửa đổi, bổ sung ngày 25/7/2018;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-HĐQT ngày 12/3/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ (Dự án giai đoạn II);

Căn cứ Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc tạm ngừng hiệu lực chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 70/QĐ-UBND ngày 14/11/2018;

Căn cứ Thông báo kết luận số 287/TB-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp về tình hình thực hiện các dự án cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội (Lần thứ 14);

Tờ trình số 168/2020/TTr-HĐQT ngày 09/4/2020 về việc bổ sung hạng mục Tuyển ống nước thô đi kín từ Trạm bơm Sông đến kênh thu nước của Trạm bơm Hồ cho Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ.

Hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà vẫn đang tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn đề rà soát, cập nhật, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và Thiết kế cơ sở Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ (Sau đây gọi tắt là “Dự án Giai đoạn II”) trên cơ sở kết quả đánh giá lại thủy văn dòng chảy sông Đà để đảm bảo nguồn nước thô cấp cho nhà máy khi nâng công suất 600.000 m³/ngđ có xét đến ảnh hưởng của lòng dẫn khi xây dựng công trình và mở rộng công suất khai thác Nhà máy trong tương lai theo đúng Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/4/2019 của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019 và quy định hiện hành, và đến nay đã cơ bản hoàn thành.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai lập Dự án Giai đoạn 2 điều chỉnh, ngày 05/11/2019, UBND tỉnh Hòa Bình có quyết định số Quyết định số 2453/QĐ-UBND về việc tạm ngừng hiệu lực chủ trương đầu tư số 01/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 70/QĐ-UBND ngày 14/11/2018, theo đó UBND tỉnh Hòa Bình yêu



cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà “có giải pháp lấy nước từ sông Đà cung cấp trực tiếp vào nhà máy xử lý (không sử dụng Hồ Đàm Bài), bảo đảm an toàn, kiểm soát được ô nhiễm nguồn nước; nâng cấp hệ thống xử lý nước đạt tiêu chuẩn tiên tiến làm cơ sở xem xét quyết định tiếp tục đầu tư dự án”.

Cũng liên quan đến tuyển ống kín này, theo Thông báo kết luận số 287/TB-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội tại cuộc họp về tình hình thực hiện các dự án cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội (Lần thứ 14), Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội yêu cầu “Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà phải có cam kết xây dựng hệ thống dẫn nước thô vào nhà máy bằng đường ống kín, tách riêng hồ Đàm Bài; báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện”.

Theo Hội đồng quản trị, Dự án nước sạch Sông Đà được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư xây dựng tại Văn bản số 1285/CP-CN ngày 24/09/2003 trên cơ sở Tờ trình số 53/BXD-TTr ngày 03/9/2003 của Bộ Xây Dựng thì Hồ Đàm Bài là Hồ sơ lắng thuộc sơ đồ dây truyền công nghệ của Nhà máy cho cả hai Giai đoạn (Dự án Giai đoạn I đã hoàn thành năm 2009 và Dự án Giai đoạn II đang triển khai) và cũng phù hợp với quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-TTg của ngày 21/03/2013. Tuy nhiên, theo yêu cầu của UBND tỉnh Hòa Bình và UBND Thành phố Hà Nội về việc bổ sung hệ thống dẫn nước thô kín vào nhà máy (không sử dụng hồ Đàm Bài trong sơ đồ dây truyền Công nghệ của Dự án), Hội đồng quản trị Công ty cho rằng việc bổ sung Tuyển ống nước thô để không sử dụng hồ Đàm Bài cho Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 của Dự án cần được Đại hội Cổ đông xem xét quyết định.

Theo Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 168/2020/TTr-HĐQT ngày 09/4/2020 về việc bổ sung hạng mục Tuyển ống nước thô (không sử dụng hồ Đàm Bài) vào Dự án giai đoạn II dẫn đến phải điều chỉnh các hạng mục kết nối và các công việc có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn việc xem xét điều chỉnh thiết kế cơ sở của Dự án giai đoạn II, điều chỉnh Tổng mức đầu tư. Do đó để tăng tính chủ động cho HĐQT Công ty cũng như kịp thời xử lý các phát sinh trong quá trình triển khai Dự án Giai đoạn II đáp ứng tiến độ cấp bách của dự án.

HĐQT Công ty kính đề nghị Đại hội Cổ đông thông qua một số nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương bổ sung hạng mục Tuyển ống nước thô đi kín từ Trạm bơm Sông đến kênh thu nước của Trạm bơm Hồ cho Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ và không sử dụng hồ Đàm Bài làm hồ sơ lắng cho Dự án, đồng thời ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Dự án Giai đoạn II điều chỉnh;
2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Đại hội đồng Cổ đông được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án Giai đoạn II điều chỉnh. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua để Công ty triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
Chủ tịch



Lương Thanh Tùng

Số: 194 /2020/TT-HĐQT

Hoà Bình, ngày 13 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

“V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 do có Đơn xin từ nhiệm”.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01/02/2018; được sửa đổi bổ sung ngày 10/4/2020;
- Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2011 của HĐQT Công ty về việc: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông **Nguyễn Trọng Hiền**, ngày 18 tháng 3 năm 2020;
- Căn cứ Nghị quyết số 08/2020/NQ – HDDQT ngày 13/4/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét chấp thuận về việc từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 như sau:

- Chấp thuận miễn nhiệm ông **Nguyễn Trọng Hiền** - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty thôi không tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty (nhiệm kỳ 2015 - 2020) do có Đơn từ nhiệm. Thời gian: Kể từ ngày 18 tháng 03 năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét chấp thuận.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Thanh Tùng

THÔNG BÁO

“V/v: Ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị
Nhiệm kỳ 2020 - 2025”.

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà sẽ kết thúc sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà, Hội đồng quản trị trân trọng thông báo đến quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến tham gia bầu thành viên HĐQT như sau:

1. Số lượng thành viên dự kiến được bầu: 05 (năm) thành viên Hội đồng quản trị

2. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông có quyền đề cử người khác hoặc tự mình ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty nếu người được đề cử hoặc ứng cử đảm bảo điều kiện sau đây:

- **Quyền đề cử:** Theo khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà, các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HĐQT.

- **Tiêu chuẩn và điều kiện:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật này.

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

+ Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014.

3. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị gồm:

- Giấy đề cử/Ứng cử và Sơ yếu lý lịch (có mẫu đính kèm)

- Thời hạn chốt hồ sơ: 17 giờ, ngày 25/04/2020. Sau thời gian này, cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng viên hoặc ứng viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, HĐQT đương nhiệm theo thẩm quyền sẽ đề cử ứng cử viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Nơi nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

- Bà **Trần Minh Nghĩa** (*Ban Tổ chức Hành chính - Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà*)

- Địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Điện thoại: 02183 840.146, Fax: 0218.3840.148

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lương Thanh Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/HC/ĐKDN số:

Cấp ngày Nơi cấp.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....

Địa chỉ:

Đồng ý đề cử:

Ông/Bà:

Địa chỉ:

Số CMTND/CCCD/HC:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

làm ứng viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (nhiệm kỳ 2020 - 2025) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được tổ chức vào ngày /04/2020.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử ứng viên này.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng 4 năm 2020

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên – đóng dấu nếu là tổ chức)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Hội đồng quản trị.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 24/03/2020.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

GIẤY ỨNG CỬ

thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Tên cổ đông là:

Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD:

Cấp ngày Nơi cấp.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:

Địa chỉ:

Trình độ học vấn:chuyên ngành

Đề nghị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà cho phép tôi được đăng ký tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị trong kỳ nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được tổ chức vào ngày /04/2020.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày.....tháng 4 năm 2020

CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Hội đồng quản trị.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 24/3/2020.

Ảnh 3x4
(đóng dấu giáp lai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/đề cử thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà, nhiệm kỳ 2020-2025)

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh:
- CMND/CCCD/HC số: ngày cấp: nơi cấp:
- Quốc tịch:
- Dân tộc:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc:
- Trình độ học vấn:
- Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà:
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Số cổ phần được ủy quyền đại diện: cổ phần, chiếm% vốn Điều lệ
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: cổ phần, chiếm% vốn Điều lệ
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:.....
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có):
- Họ và tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên (nếu có):.....
- Các thông tin khác (nếu có):.....

Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Xác nhận của đơn vị/Cơ quan có thẩm quyền

(Xác nhận chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi cá nhân đang làm việc)

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ

ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ (NHIỆM KỲ 2020-2025)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Ngày 29/04/2020 Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trong đó có nội dung về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 do nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã kết thúc. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền ứng cử/đề cử ứng viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà xin trân trọng gửi tới các cổ đông Hướng dẫn ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 với các nội dung sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị (HDQT).

- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

2. Đề cử, ứng cử bầu thành viên HDQT.

- Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (căn cứ theo Điều 24.2 Điều lệ Công ty và Điều 11 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017):

+ Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị.

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên HDQT.

+ Trong trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Việc đề cử, ứng cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Nội dung bản đề cử/ứng cử phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử/ứng cử, chữ ký của cổ đông đề cử/ứng cử và người được đề cử/ứng cử.

3. Tài liệu ứng cử, đề cử:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông khi ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị Công ty cần gửi về Công ty bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện các tài liệu sau:

- Bản gốc Giấy ứng cử/đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo mẫu do Công ty quy định.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên Hội đồng quản trị theo mẫu do Công ty quy định.
- Tài liệu chứng minh số cổ phần và thời gian nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ là ngày 24/03/2020.

Trường hợp là nhóm Cổ đông đề cử thì văn bản đề cử phải có chữ ký của tất cả các cổ đông tham gia nhóm cổ đông đề cử, hoặc có văn bản ủy quyền của nhóm cổ đông cho một cổ đông đại diện nhóm thực hiện quyền đề cử.

Ghi chú:

❖ Để thuận tiện trong công tác tổ chức và chuẩn bị tài liệu bầu cử; Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà trân trọng đề nghị các Cổ đông/nhóm Cổ đông đáp ứng điều kiện ứng cử/đề cử gửi Tài liệu ứng cử, đề cử quy định tại Mục 3 nêu trên về Công ty trước 17h ngày 25/4/2020.

+ Địa chỉ liên hệ: Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Xóm Vật Lại – xã Thịnh Minh – thành phố Hoà Bình – tỉnh Hòa Bình.

+ Người liên lạc: Ban Tổ chức Hành chính
SĐT: 0218.3840.146 – Email: viwasupco@gmail.com

❖ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nộp Tài liệu ứng cử, đề cử quy định tại mục 3 nêu trên cho Công ty hoặc việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông không đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty thì việc ứng cử/đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông sẽ không có giá trị tại Đại hội.